TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:649 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/11/ 2023
V/v Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Hồ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phùng Văn Long.**

2/ Ông **Tạ Công Minh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư** - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Ngọc Hà,** *Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 481/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Trần Thị Trúc P, sinh năm 1993;
Địa chỉ: ấp TT, xã TLT, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1991;
Địa chỉ: ấp TP 2, xã TLĐ, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

(Có mặt chị P, anh N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn Trần Thị Trúc P trình bày:*

Chị P và anh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh N1 sinh ngày 13/11/2012, khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng không

yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị P trình bày không có.

** Theo bị đơn Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị P về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung anh N thống nhất với lời trình bày của chị P, khi ly hôn anh N đồng ý để chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang chấp hành án phạt tù, sau khi chấp hành xong anh N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh N trình bày không có.

Tại phiên toà sơ thẩm.

Nguyên đơn Trần Thị Trúc P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn N. Về con chung chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị P trình bày không có.

Bị đơn Nguyễn Văn N có đơn xin vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn N.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và việc nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị Trúc P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị P và anh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp dẫn đến vợ chồng gây gỗ nhau. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 19/10/2023 xác định chị

P và anh N có phát sinh mâu thuẩn thường xuyên gây gỗ nhau, đồng thời tại bản tự khai ngày 17/10/2023 anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Xét thấy mâu thuẩn trầm trọng, không thể chung sống được, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện đang sống ổn định với chị P, nguyện vọng của cháu Ngọc muốn được sống chung với chị P. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[4] Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của chị P không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, chị P có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

Đối với lời trình bày của anh N về việc được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi chấp hành án xong, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi chấp hành án xong anh N và chị P có thể thỏa thuận về việc nuôi con chung. Nếu không thỏa thuận được thì anh N có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị P và anh N trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị Trúc P.

Chị Trần Thị Trúc P được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Khánh N1 sinh ngày

13/11/2012 cho chị Trần Thị Trúc P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011937 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành chuyển thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị Trúc P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với bị đơn Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ